

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý công trình thủy lợi
sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 390/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Báo cáo số 633/BC-SNNMT ngày 26 tháng 5 năm 2026; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại các Báo cáo: số 258/BC-STP ngày 03 tháng 12 năm 2025, số 193/BC-STP ngày 04 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành:
 - a) Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
 - b) Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh;
 - c) Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
 - d) Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
 - đ) Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cắm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Công Thương, Xây dựng, Tư pháp;

Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Kon Tum và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Đỗ Tâm Hiền

QUY ĐỊNH

Về quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/2026/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gồm các nội dung:

a) Quy định quản lý công trình thủy lợi.

b) Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

c) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức có các hoạt động liên quan đến quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý công trình thủy lợi

1. Gắn trách nhiệm quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đối với cơ quan, đơn vị đại diện chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi.

2. Mọi công trình thủy lợi đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý; được khai thác vận hành theo các phương thức khai thác công trình thủy lợi theo quy định pháp luật.

3. Việc quản lý công trình thủy lợi phải đảm bảo tính hệ thống, phù hợp với năng lực quản lý, vận hành của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo đảm quy định của pháp luật về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thủy lợi.

Chương II QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁC

Điều 3. Quy định quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi sau đây (sau đây gọi là công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý):

a) Đối với đập, hồ chứa nước:

Đập, hồ chứa nước lớn; đập, hồ chứa nước vừa, trừ hồ chứa nước Thới Lới, đặc khu Lý Sơn; đập, hồ chứa nước nhỏ mà việc khai thác, vận hành liên quan đến 02 xã, phường (*gọi chung là xã*) trở lên hoặc được điều hòa, chuyển, phân phối nước tưới từ đập, hồ chứa nước lớn và vừa.

b) Đối với trạm bơm tiêu, trạm bơm tưới tiêu kết hợp, trạm bơm tưới, cống:

Công trình đang khai thác, vận hành (Có danh mục công trình tại Phụ lục kèm theo Quy định này);

Công trình xây dựng mới: Trạm bơm điện có loại máy bơm công suất từ 1.000 m³/h trở lên; cống lớn ngăn sông vận hành bằng điện.

c) Hệ thống cấp, tưới nước (bao gồm kênh, mương và công trình trên kênh, mương), đường ống trong hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham và hệ thống cấp, tưới nước, đường ống thuộc đập, hồ chứa nước, trạm bơm, cống do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Từ đầu mối đến vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

d) Đối với hệ thống tiêu, thoát nước, tưới tiêu kết hợp: Kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng lớn.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14

1. Đối với đập (Đập dâng nước không tạo hồ chứa nước)

Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng về phía thượng, hạ lưu và giao tuyến của vai đập với mặt đất tự nhiên trở ra:

a) Đập cấp II: Tối thiểu là 50 m về phía thượng, hạ lưu; 5 m trở ra của vai đập.

b) Đập cấp III: Tối thiểu là 30 m về phía thượng, hạ lưu; 3 m trở ra của vai đập.

c) Đập cấp IV: Tối thiểu là 20 m về phía thượng, hạ lưu; 2 m trở ra của vai đập.

d) Riêng đối với cụm công trình đầu mối đập dâng Thạch Nham: Phạm vi vùng phụ cận theo ranh giới thửa đất đã được cấp thẩm quyền giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi quản lý.

2. Đối với kênh có lưu lượng nhỏ hơn 2 m³/s

Tính từ chân mái ngoài (đối với kênh đắp hoặc vừa đào vừa đắp), từ mép ngoài bờ kênh (đối với kênh chìm) trở ra từ 1 m đến 2 m đối với kênh đất và từ 0,5 m đến 1 m đối với kênh kiên cố. Riêng đối với kênh nội đồng, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài trở ra là 0,5 m đối với kênh đất và kênh đã kiên cố.

3. Đối với các công trình trên kênh

a) Cống tiêu và cống tưới: Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra các bên tối thiểu từ 0,5 m đến 1 m;

b) Đối với xi phông, cầu máng

Trường hợp xi phông cầu máng qua sông, suối: Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra của các móng trụ cầu máng, thân xi phông về phía thượng, hạ lưu tối thiểu là 50 m.

Trường hợp xi phông, cầu máng không qua sông, suối: Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra hai bên của các móng trụ cầu máng, thân xi phông tối thiểu là 2 m.

4. Đối với kè, tường chắn bảo vệ công trình thủy lợi: Tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía đồng tối thiểu 2 m, phía sông tối thiểu là 5 m.

5. Đối với trạm bơm: Tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ (đối với trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ) hoặc tính từ ranh giới phạm vi được giao đất khi xây dựng (đối với trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ).

6. Đối với công trình tràn xả lũ của hồ chứa: Tính từ giao điểm của chân mái ngoài của tràn với mặt đất tự nhiên trở ra là 5m.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan và nhiệm vụ liên quan khác được cấp có thẩm quyền giao.

4. Hàng năm, rà soát nhu cầu kinh phí bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây mới (hạng mục công trình trong các công trình đã đầu tư xây dựng) công trình, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí (giao dự toán ngân sách); tổ chức thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây mới (hạng mục công trình trong các công trình đã đầu tư xây dựng) công trình thủy lợi theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kế hoạch vốn đầu

tư công trung hạn cho các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; tổng hợp vào dự toán ngân sách từ nguồn chi thường xuyên hàng năm ngân sách tỉnh, trình cấp thẩm quyền quyết định để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây mới (hạng mục công trình trong các công trình đã đầu tư xây dựng) công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trên cơ sở đề nghị hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý tài sản công là tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Triển khai thực hiện quản lý các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định pháp luật về thủy lợi và các nhiệm vụ liên quan khác được cấp thẩm quyền giao.

3. Tổ chức sắp xếp bộ máy chuyên môn, củng cố năng lực của đơn vị trực thuộc để đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với công trình thủy lợi mà theo quy định phân cấp trước đây còn phù hợp với Quy định này, cơ quan, đơn vị đang quản lý tiếp tục thực hiện việc quản lý theo Quy định này.

2. Đối với công trình thủy lợi đang quản lý nhưng không còn phù hợp với quy định này; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý công trình tổ chức thực hiện điều chuyển công trình cho phù hợp với Quy định này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
